

Student's book p.88 + Workbook p. 62,63 (Sách bài học trang 88 + Sách bài tập trang 62,63)

Saturday, December 25th, 2021

Unit 8

Lesson 1

Vocabulary

1. ear: tai
2. eye: mắt
3. nose: mũi
4. mouth: miệng
5. hair: tóc
6. tooth: 1 cái răng
7. teeth: nhiều cái răng
8. head: đầu
9. face: mặt

Structure

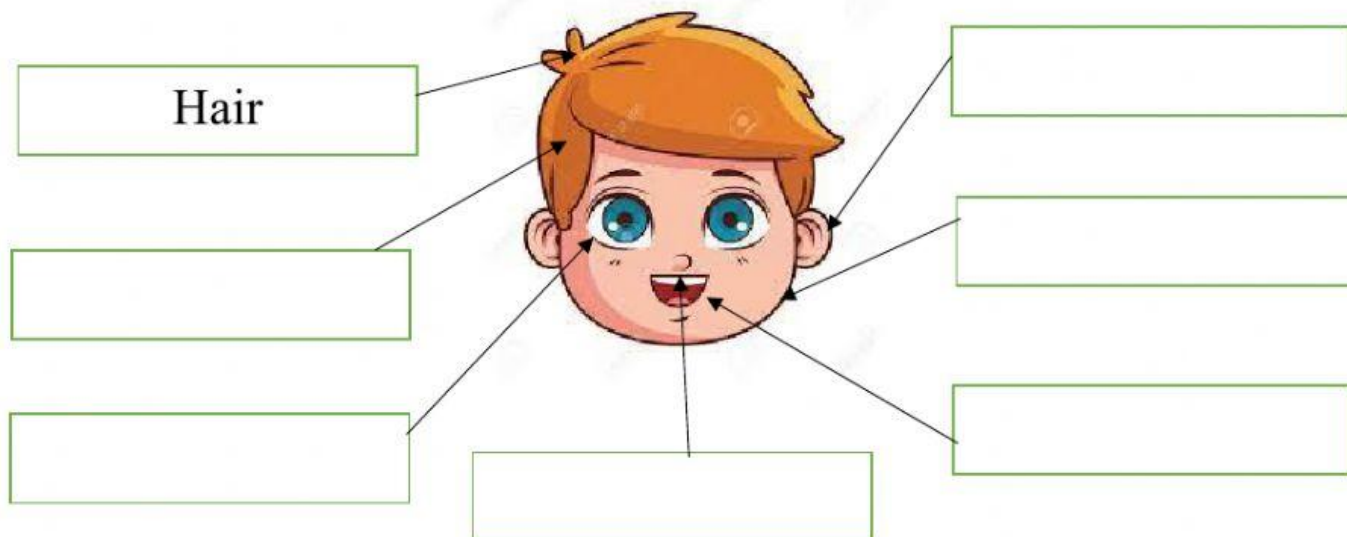
What does he/she/it look like?

- He/she/It has

What do they look like?

- They have

Task 2: Look, write suitable word in the box (Nhìn, và ghi từ thích hợp vào khung)



Task 2: Look, read and choose the correct answer (Nhìn, đọc câu và chọn đáp án đúng)

C Look and check.



This is an ear.

☐ Yes
☐ No



This is a mouth.

☐ Yes
☐ No



This is a head.

☐ Yes
☐ No



These are teeth.

☐ Yes
☐ No



This is a face.

☐ Yes
☐ No



This is hair.

☐ Yes
☐ No



This is an eye.

☐ Yes
☐ No



This is a nose.

☐ Yes
☐ No

Notes (Dặn dò):

- Learn vocabulary and structures (*Học lại từ từ vựng và cấu trúc*)
- Look back workbook page 62,63. (*Xem lại bài tập trang 62,63*)